

TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, tài thao lược đánh giặc của ông cha.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, có thái độ học tập và rèn luyện tốt, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược mạnh hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế. Song với tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, với cách đánh mưu trí, sáng tạo, ông cha ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc như chiến thắng Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chương Dương, Hàm Tử,... Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần yêu nước và truyền thống đánh giặc của dân tộc ta lại được phát huy lên một tầm cao mới. Dân tộc ta đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Từ thực tiễn chống giặc ngoại xâm của dân tộc, các thế hệ ông cha đã viết nên truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào và những bài học quý báu đối với các thế hệ mai sau.

I – LỊCH SỬ ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Từ thuở các vua Hùng dựng nước Văn Lang cách đây hàng nghìn năm, lịch sử dân tộc Việt Nam bước vào thời kì dựng nước và giữ nước.

Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của dân tộc ta. Lãnh thổ Văn Lang khá rộng và ở vào vị trí địa lí quan trọng, nằm trên đầu mối những

đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á. Từ buổi đầu, ông cha ta đã xây dựng nên nền văn minh sông Hồng, còn gọi là văn minh Văn Lang mà đỉnh cao là văn hoá Đông Sơn rực rỡ, là thành quả tự hào của người Việt thời kì Hùng Vương.

Do vị trí địa lí và điều kiện kinh tế, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó. Các thế lực bành trướng phương Bắc sớm âm mưu thôn tính nước ta để mở rộng lãnh thổ của chúng. Do đó, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hoá của mình chỉ có con đường đoàn kết dân tộc, đứng lên đánh giặc, giữ nước.

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Năm 214 trước Công nguyên, nhà Tần mang quân sang xâm lược nước ta. Nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và sau đó là Thục Phán đứng lên kháng chiến. Thục Phán, một thủ lĩnh người Âu Việt đã thay thế vua Hùng, thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, lập ra nhà nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao (Phú Thọ) về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Tần, cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống quân xâm lược của Triệu Đà từ năm 184 đến năm 179 trước Công nguyên bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm hoạ hơn một nghìn năm phong kiến phương Bắc đô hộ, sử gọi là thời kì Bắc thuộc.

2. Cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ X)

Dưới ách thống trị của chính quyền đô hộ, trải qua nhiều triều đại, phong kiến phương Bắc luôn tìm cách vơ vét của cải, áp bức và đồng hoá dân ta, biến nước ta thành quận, huyện của chúng.

Dân ta quyết không chịu khuất phục, đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ chống áp bức, bóc lột, giữ gìn bản sắc dân tộc và quyết tâm đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lí Bí (năm 542), Triệu Quang Phục (năm 548), Mai Thúc Loan (năm 722), Phùng Hưng (năm 766), Khúc Thừa Dụ (năm 905). Năm 906, nhân dân ta đã giành lại quyền tự chủ. Tiếp đó, là hai cuộc chiến tranh chống quân Nam Hán xâm lược dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ (năm 931) và Ngô Quyền (năm 938). Với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, dân tộc ta giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX)

Sau khi chiến thắng giặc ngoại xâm, Ngô Quyền lên ngôi vua, bắt tay vào xây dựng nhà nước độc lập. Từ đó, trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và Lê Sơ (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV), quốc gia thống nhất ngày càng được củng cố. Nước Đại Việt thời Lý, Trần và Lê Sơ với kinh đô Thăng Long (Hà Nội) là một quốc gia cường thịnh ở châu Á, là một trong những thời kì phát triển rực rỡ nhất, thời kì văn minh Đại Việt.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, dân tộc ta vẫn phải đứng lên đấu tranh chống xâm lược. Năm 981, dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn, nhân dân ta đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Tống. Thế kỉ XI, dưới triều Lý, dân tộc ta một lần nữa lại giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077). Thế kỉ XIII, trong 30 năm (1258 – 1288), dân tộc ta đã chiến thắng oanh liệt cả ba lần chống quân Nguyên – Mông. Những chiến thắng lừng lẫy ở Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp và Bạch Đằng mãi được lưu truyền trong sử sách, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỉ XV, nước ta bị quân Minh xâm lược, nhà Hồ lãnh đạo kháng chiến không thành công. Tuy vậy, phong trào yêu nước vẫn phát triển rộng khắp. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. Sau 10 năm chiến đấu kiên cường, anh dũng và mưu trí, nhân dân cả nước đã giành được thắng lợi oanh liệt, kết thúc bằng thắng lợi của trận Chi Lăng – Xương Giang năm 1427.

Cuối thế kỉ XVIII, dân tộc ta lại hai lần chống ngoại xâm. Năm 1785, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ đã lập nên chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm. Đầu xuân năm Kỷ Dậu (1789) quân dân ta dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ lại đánh bại 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh cùng bè lũ Lê Chiêu Thống bán nước. Lịch sử dân tộc đã ghi thêm một trang sử hào hùng với chiến công bất diệt : chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.

Trong những cuộc chiến tranh giữ nước từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, nhân dân ta dưới sự chỉ huy của các vị tướng tài giỏi đã thực hiện toàn dân đánh giặc; biết dựa vào địa hình, địa thế có lợi cho ta, bất lợi cho địch; vận dụng “vườn không nhà trống” và mọi cách đánh phù hợp làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, bị tiêu hao, tiêu diệt. Nét đặc sắc nghệ thuật quân sự của ông cha ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước kể trên là tích cực, chủ động tiến

công địch. Điển hình như Lí Thường Kiệt (năm 1075) đã dùng biện pháp “tiên phát chế nhân” (không ngồi chờ giặc đến mà chủ động đánh trước vào hậu phương địch rồi rút lui để phá vỡ kế hoạch của chúng); lấy đoản binh thắng trường trận; “yếu chống mạnh hay đánh bất ngờ, ít địch nhiều thường dùng mai phục”⁽¹⁾. Đến thời vua Quang Trung năm 1788 – 1789, đã thực hiện lúc địch mạnh ta có thể lui quân để bảo toàn lực lượng, lúc địch suy yếu ta bất ngờ chuyển sang đánh đòn quyết định tiêu diệt địch trong một thời gian ngắn.

4. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến năm 1945)

Tháng 9 – 1858, thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Triều Nguyễn từng bước đầu hàng giặc và đến năm 1884 thì hoàn toàn công nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn nước ta. Khuất phục được triều đình nhà Nguyễn, nhưng thực dân Pháp đã vấp phải phong trào kháng chiến sôi nổi và bền bỉ của nhân dân ta từ Bắc đến Nam. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX phát triển sôi nổi, nhưng cuối cùng đều thất bại. Nguyên nhân cơ bản là do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến và chưa có đường lối đúng đắn, phù hợp với điều kiện mới của thời đại.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta trải qua các cao trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh (1930 – 1931), phong trào Dân chủ đòi tự do, cơm áo và hoà bình (1936 – 1939), phong trào Phản đế và phát động toàn dân tổng khởi nghĩa (1939 – 1945), đỉnh cao là thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà – Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á.

5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

Không chịu từ bỏ dã tâm cai trị nước ta, ngày 23 – 9 – 1945, được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

1. Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr. 65.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ anh dũng đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Trong điều kiện nước ta còn nhiều khó khăn, phải đánh với nhiều kẻ thù cùng một lúc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sách lược tài tình, khéo lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của địch, tranh thủ hoà hoãn với Pháp, đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước để chuẩn bị kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp.

Nhưng “chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới”. Ngày 19 – 12 – 1946, trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁽²⁾. Cả dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhất tề đứng lên, đoàn kết chặt chẽ, quyết chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1947 – 1954, quân dân ta đã lập được nhiều chiến công, làm thất bại nhiều cuộc hành binh lớn của Pháp trên khắp các mặt trận. Tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc – Thu Đông (năm 1947), chiến thắng Biên giới (năm 1950), chiến thắng Tây Bắc (năm 1952), chiến cuộc Đông Xuân (1953 – 1954) mà đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, buộc Pháp phải kí hiệp định Giơnevơ năm 1954, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp là do ta có đường lối kháng chiến độc lập và tự chủ, vận dụng tư tưởng quân sự lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chống giặc ngoại xâm.

6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 – 1975)

Đế quốc Mĩ phá hoại hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp để độc chiếm miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mĩ, nhằm chia cắt lâu dài nước ta.

Nhân dân miền Nam lại một lần nữa đứng lên chống Mĩ, cứu nước. Từ năm 1959 – 1960, phong trào đồng khởi ở miền Nam bùng nổ và lan rộng. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập. Từ năm 1961 – 1965, quân và dân ta đã đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480

Từ năm 1965 – 1968, Mĩ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ô ạt đưa quân viễn chinh Mĩ vào miền Nam, đồng thời, tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, quân và dân cả nước đánh thắng Mĩ ngay từ trận đầu ở cả hai miền Nam, Bắc. Cuộc tổng tiến công tết Mậu Thân 1968 trên toàn lãnh thổ miền Nam làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mĩ phải xuống thang, chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Pari (Pháp).

Để cứu vãn thất bại, Mĩ thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia. Quân và dân ba nước Đông Dương đã kề vai sát cánh cùng nhau chiến đấu đánh bại các cuộc hành quân của Mĩ – Ngụy sang Cam-pu-chia và đường 9 – Nam Lào. Cùng với thắng lợi ở chiến trường miền Nam, năm 1972 miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Đại thắng mùa xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn 100 năm của chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược là cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, mọi tinh hoa truyền thống đánh giặc, giữ nước qua mấy nghìn năm của cả dân tộc đã được vận dụng một cách sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao; vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng miền Nam, gắn cuộc kháng chiến của nhân dân ta với phong trào cách mạng thế giới; triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch để tăng cường lực lượng cách mạng; đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa vừa đánh, vừa đàm, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao; đánh địch bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), trên cả ba vùng chiến lược (đồng bằng, miền núi, thành thị); thực hiện trọn vẹn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào”.

Từ năm 1975 đến nay, quân và dân ta tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II – TRUYỀN THỐNG VỀ VANG CỦA DÂN TỘC TA TRONG SỰ NGHIỆP ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC

1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước

Do ở vị trí chiến lược trọng yếu trong vùng Đông Nam Á và có nhiều tài nguyên phong phú, nên từ trước đến nay nước ta trở thành mục tiêu xâm lược của nhiều nước lớn trong khu vực và trên thế giới : Bởi vậy, ngay từ buổi đầu dựng nước, chống giặc ngoại xâm đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Dựng nước đi đôi với giữ nước là một quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Thực tế cho thấy, nạn giặc ngoại xâm là mối đe dọa thường xuyên và nguy hiểm nhất đối với sự sống còn của đất nước ta.

Kể từ cuối thế kỉ thứ III trước Công nguyên đến nay, dân tộc ta đã tiến hành gần 20 cuộc chiến tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cùng với hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc.

Nhân dân ta thời nào cũng vậy, luôn nêu cao cảnh giác, chuẩn bị lực lượng đề phòng giặc ngay từ thời bình; trong chiến tranh, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng đất nước và sẵn sàng đối phó với âm mưu của kẻ thù. Vì vậy, đánh giặc, giữ nước là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết và luôn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

2. Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều

Trong lịch sử, những cuộc đấu tranh giữ nước của dân tộc ta đều diễn ra trong điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch. Kẻ thù thường là những nước lớn, có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần.

Về binh lực, bao giờ quân xâm lược cũng có ưu thế hơn hẳn quân ta. Thế kỉ XI, trong chiến tranh chống quân Tống, nhà Lí có 10 vạn quân, địch có 30 vạn quân. Trong kháng chiến chống quân Nguyên – Mông, ở thế kỉ XIII, lúc cao nhất nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, nhưng quân địch có tới 50 – 60 vạn quân. Thời Quang Trung có 10 vạn quân, quân xâm lược Thanh có tới 29 vạn quân. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, về tiềm lực kinh tế và quân sự thì Pháp và Mĩ mạnh hơn chúng ta nhiều lần.

Vì thế, lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân để đánh giặc, đã trở thành truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

3. Truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện

Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, nhân dân Việt Nam phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết toàn dân tạo thành nguồn sức mạnh to lớn của cả dân tộc, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Thời Trần, vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên ba lần đại thắng quân Nguyên – Mông. Thời chống Minh, nghĩa quân Lam Sơn, tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào. Thời chống Pháp, chống Mĩ, quân với dân một ý chí, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, cả nước là một chiến trường diệt giặc.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước”⁽³⁾, nhân dân cả nước đã sát cánh cùng bộ đội chiến đấu, ra sức xây dựng quân đội, sản xuất ở hậu phương, chăm lo tiếp tế hậu cần, thực hiện “toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến”, giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta đã đưa cuộc chiến tranh nhân dân lên tầm cao mới. Đẩy mạnh chiến tranh toàn dân, toàn diện, kết hợp đấu tranh của nhân dân trên các mặt trận chính trị, kinh tế với đấu tranh quân sự của lực lượng vũ trang lên một quy mô chưa từng có trong lịch sử. Vì thế, quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã chỉ rõ : “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽⁴⁾.

Nhân dân ta đã sớm nhận thức, non sông đất nước ta là do bàn tay lao động của biết bao thế hệ xây đắp nên, là tài sản chung của mọi người, ai cũng hiểu nước mất, thì nhà tan. Vì thế, lớp lớp các thế hệ người dân đã không sợ hi sinh gian khổ, liên tục đứng lên đánh giặc, giữ nước.

3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480.

4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 271.

Trong lịch sử đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta đã có nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu, hi sinh vì độc lập dân tộc. Hình ảnh Hai Bà Trưng với lời thề sông Hát, Bà Triệu cưỡi voi chỉ huy đánh giặc với câu nói bất hủ : “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp người”. Trần Quốc Toản bóp nát quả cam vì hận mình còn nhỏ tuổi không được dự bàn kế đánh giặc ở Bình Than; Trần Bình Trọng nói : “Thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”; Nguyễn Trung Trực đã hiên ngang tuyên bố trước mặt quân thù : “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”; hình ảnh Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót đã xả thân mình vì nước, Nguyễn Viết Xuân “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”... là những biểu tượng sáng ngời về lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc.

Với tinh thần “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã sớm trở thành tư tưởng và tình cảm lớn nhất, là lẽ sống thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam.

4. Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo

Dân tộc ta chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm không chỉ bằng tinh thần chiến đấu dũng cảm, hi sinh vì Tổ quốc, mà còn bằng trí thông minh sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.

Mưu trí sáng tạo được thể hiện trong kho tàng kinh nghiệm phong phú của cuộc đấu tranh giữ nước, tài thao lược kiệt xuất của dân tộc ta. Chúng ta biết lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tự tạo vũ khí, cướp súng giặc để giết giặc, phát huy uy lực của mọi thứ vũ khí có trong tay, biết kết hợp nhiều cách đánh thích hợp. Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

Lịch sử ông cha ta đã có nhiều cách đánh địch độc đáo, Lí Thường Kiệt biết “tiên phát chế nhân”, rồi lui về phòng ngự vững chắc và phản công đúng lúc, Trần Quốc Tuấn biết “đĩ đoản chế trường”, biết chế ngự sức mạnh của kẻ địch và phản công khi chúng suy yếu, mệt mỏi. Thời Lê Lợi, biết đánh lâu dài, từng bước tạo thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi. Thời Quang Trung biết đánh thần tốc, tiến công mãnh liệt bằng nhiều mũi, nhiều hướng, khiến hơn 29 vạn quân Thanh không kịp trở tay.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang đã cùng toàn dân đứng lên đánh giặc bằng mọi phương tiện và hình thức. Kết hợp đánh địch trên các mặt trận quân sự, chính trị và binh vận. Kết hợp đánh du kích và đánh chính quy, kết hợp ba thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, đồng bằng và đô thị. Nghệ thuật quân sự của ta tạo ra một hình thái chiến tranh cài răng lược, xen kẽ triệt để giữa ta và địch; buộc quân địch phải phân tán, đông mà hoá ít, mạnh hoá yếu, luôn bị động đối phó theo cách đánh của ta.

Bằng trí thông minh, sáng tạo, với nghệ thuật quân sự độc đáo, dù kẻ thù từ phương Bắc hay từ châu Âu, Mĩ đến, dù chúng có tiềm lực kinh tế, đông quân, có trang thiết bị hiện đại, lắm mưu mô xảo quyệt đến mấy cũng không thể phát huy được sở trường và sức mạnh vốn có của chúng trên chiến trường của ta; buộc chúng phải đánh theo cách của ta và cuối cùng đều chịu thất bại thảm hại.

Dám đánh, biết đánh và biết thắng giặc bằng mưu trí và nghệ thuật quân sự độc đáo là một đặc điểm nổi bật của truyền thống đánh giặc của dân tộc ta.

5. Truyền thống đoàn kết quốc tế

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn có sự đoàn kết với các nước trên bán đảo Đông Dương và các nước khác trên thế giới, vì độc lập dân tộc của mỗi quốc gia, chống lại sự thống trị của các nước lớn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, Nhật, nhất là cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta, đã tạo được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế lớn lao. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ cũng là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia. Tinh thần đoàn kết đó là chỗ dựa vững chắc cho mỗi dân tộc trong cuộc đấu tranh giành và củng cố nền độc lập của mình.

Nhờ thực hiện đường lối đoàn kết quốc tế đúng đắn, nên cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân các nước anh em, trước hết là nhân dân Liên Xô và Trung Quốc, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào độc lập dân tộc và nhân dân yêu chuộng hoà bình, công lí trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp, Mĩ.

Đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung đã trở thành truyền thống, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp đánh giặc, giữ nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay, đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, tiến hành Cách mạng tháng Tám thành công; đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, để giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, ổn định về chính trị xã hội, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi vấn đề của xã hội.

Thực tế cho thấy, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, đất nước ta đứng trước bao thử thách như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới, nền kinh tế còn có nhiều khó khăn, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước đi lên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Lịch sử Việt Nam trải qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước gian khổ nhưng đầy vinh quang, tự hào. Truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta ngày càng được các thế hệ tiếp theo kế thừa và vận dụng sáng tạo. Thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh :

“Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu tóm tắt quá trình đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam.
2. Nêu truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam.
3. Trách nhiệm của học sinh đối với việc phát huy truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.